

Bản án số: 62/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25/4/2019

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN VĂN BÌNH**

2. Bà **ĐOÀN THỊ THOA**

-Thư ký phiên tòa: Ông **TRẦN MINH CƯỜNG** - Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè tỉnh Tiền Giang.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **NGUYỄN THỊ KIM L**, sinh năm 1991 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp 0, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **PHAN PHƯỚC D**, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp 0, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 05/3/2019 và lời khai tại Tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Do quen biết nên chị và anh D kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do anh chị không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, anh D ghen tuông thỉnh thoảng có đánh chị và anh chị đã chính thức ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị cương quyết yêu cầu được ly hôn anh D.

Con chung: Có một cháu tên Phan Gia K, sinh ngày 02/3/2014, hiện đang sống với anh D. Nay chị yêu cầu được nuôi cháu, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo tờ tự khai không ghi ngày, tháng, năm và lời khai tại Tòa, bị đơn anh Phan Phước D trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay anh cũng đồng ý ly hôn với chị L, con chung anh yêu cầu được nuôi, không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Tại phiên tòa chị L và anh D đều trình bày do quen biết nên anh chị xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Nay tình cảm vợ chồng không còn anh chị thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên Hội đồng xét xử tôn trọng và công nhận.

[2] *Về con chung*: Có một cháu tên Phan Gia K, sinh ngày 02/3/2014, hiện đang sống với anh D. Xét thấy, tiếp tục giao cháu K cho anh D nuôi là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, trước giờ cháu đã sống ổn định với anh D từ khi vợ chồng ly thân đến nay và để đảm bảo quyền lợi của con chung tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý, đời sống học tập, sinh hoạt của cháu K nên tiếp tục giữ nguyên hiện trạng việc nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Không tranh chấp nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] *Về án phí* Chị L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim L và anh Phan Phước D.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu tên Phan Gia K, sinh ngày 02/3/2014 cho anh D nuôi. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh D không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp nên Toà án không đặt ra giải quyết.

Về án phí Chị L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 09981 ngày 18/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM